CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 1874 /QĐ-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2025;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 863/TTr-CP ngày 07/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho trở lại quốc tịch Việt Nam đối với 23 cá nhân hiện đang cư trú tại Cộng hòa Liên bang Đức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- Bộ Ngoại giao;
- VP Tổng Bí thư;
- VPCTN: CN, PCN Cấn Đình Tài, Website VPCTN;
- Lưu: VT, Vụ PL.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tô Lâm

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP HIỆN CƯ TRÚ TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC ĐƯỢC CHO TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỒNG THỜI GIỮ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Quyết định số 1874 /QĐ-CTN ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch nước)

1. **Le Nguyen Dac Thanh**, sinh ngày 02/11/2002 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Thẻ căn cước Đức số: LCHV682WX cấp ngày 20/3/2024
Nơi cư trú: Wundtstr 3, 01217 Dresden, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: LÊ NGUYỄN ĐẮC THÀNH

2. **Nguyen-Dinh Cong**, sinh ngày 02/5/1999 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Hộ chiếu Đức số: C3K6TJ5W9 cấp ngày 19/5/2022
Nơi cư trú: Bergstraße 3, 16761 Hennigsdorf, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN ĐÌNH CÔNG

3. **Nguyên Thi Diên**, sinh ngày 08/8/1985 tại Bắc Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Trung Kênh, tỉnh Bắc Ninh, Giấy khai sinh số 29 cấp ngày 06/3/2017
Thẻ căn cước Đức số: L2GTPHLVW cấp ngày 24/4/2025
Nơi cư trú: Kohlrauschstr 7, 49809 Lingen (Ems), Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Trung Kênh, tỉnh Bắc Ninh
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THỊ DIỄN

4. **Nguyễn Thanh Hải**, sinh ngày 11/9/1967 tại Hà Nội — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh cấp ngày 20/9/1967
Hộ chiếu Đức số: C0HY3W1CK cấp ngày 13/7/2017
Nơi cư trú: Zum Innering 8, 18507 Grimmen, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THANH HẢI

5. **Phạm Tuấn Anh**, sinh ngày 30/01/1983 tại Quảng Trị — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị, Giấy khai sinh số 154 cấp ngày 10/02/1983
Hộ chiếu Đức số: CCHH3CP72 cấp ngày 10/8/2021
Nơi cư trú: Turnerstr 1, 04703 Leisnig, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị
Lấy tên gọi Việt Nam là: PHẠM TUẤN ANH

6. **Pham Duc Viet**, sinh ngày 09/02/1991 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức, Giấy khai sinh số 10 cấp năm 1993
Hộ chiếu Đức số: C6JFMR9XT cấp ngày 10/02/2023

Nơi cư trú: Kepler Str 9A, 39104 Magdeburg, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: PHẠM ĐỨC VIỆT

7. **Trần Anh Đào**, sinh ngày 17/7/1969 tại Hà Nội Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 2892 cấp ngày 25/7/1969
Hộ chiếu Đức số: C3HV1W91Z cấp ngày 01/9/2016
Nơi cư trú: Möllendorffstr 74, 10367 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú trước tại Việt Nam khi xuất cảnh: phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: TRẦN ANH ĐÀO

8. **Nguyen Anh Vu**, sinh ngày 12/5/1995 tại Cộng hòa Liên bang Đức Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức, Giấy khai sinh số 280 cấp ngày 25/5/2009
Hộ chiếu Đức số: C3J3YTM4Z cấp ngày 26/4/2022
Nơi cư trú: Berliner Straße 186, 63067 Offenbach am Main, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN ANH VŨ

9. **Nguyễn Thị Tâm,** sinh ngày 19/5/1968 tại Thanh Hóa Giới tính: Nữ
Hộ chiếu Đức số: C6JFKW92K cấp ngày 17/7/2018
Nơi cư trú: Hermann-Löns-Str 2, 39116 Magdeburg, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THỊ TÂM

10. **Nguyễn Thị Nga**, sinh ngày 01/01/1966 tại Đà Nẵng Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng, Giấy khai sinh số 141 cấp ngày 29/8/1981
Hộ chiếu Đức số: CCX2MGPJ0 cấp ngày 09/10/2018
Nơi cư trú: Weststr 15, 01917 Kamenz, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN THỊ NGA

11. **Tôn Kiên Long**, sinh ngày 30/9/2007 tại Cộng hòa Liên bang Đức Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức, Giấy khai sinh số 762 cấp ngày 31/12/2007
Thẻ căn cước Đức số: L2GT7Z33M cấp ngày 03/8/2023
Nơi cư trú: Kohlrauschstr. 7, 49809 Lingen (Ems), Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: TÔN LONG KIÊN

12. **Trần Thị Thanh**, sinh ngày 13/7/1986 tại Nghệ An Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An, Giấy khai sinh số 74 cấp ngày 25/3/2004
Hộ chiếu Đức số: C1F0N4M45 cấp ngày 25/8/2020

Nơi cư trú: Am Belmermoor 158 A, 25541 Brunsbüttel, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An
Lấy tên gọi Việt Nam là: TRẦN THỊ THANH

13. **Tôn Dũng Long**, sinh ngày 26/9/1968 tại Thái Nguyên — Giới tính: Nam
Thẻ căn cước Đức số: L73Y4Y62V cấp ngày 19/02/2021
Nơi cư trú: Kohlrauschstr. 7, 49809 Lingen (Ems), Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên
Lấy tên gọi Việt Nam là: TÔN LONG DŨNG

14. **Nguyên Viêt Nga**, sinh ngày 27/01/1994 tại Liên bang Nga — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga, Giấy khai sinh số 255 cấp ngày 26/5/1998
Hộ chiếu Đức số: C3HVGGVZZ cấp ngày 13/02/2020
Nơi cư trú: Weichselstr. 35, 10247 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN VIỆT NGA

15. **Phan Hai Van**, sinh ngày 14/12/1954 tại Nghệ An — Giới tính: Nam
Hộ chiếu Đức số: CCHKG78XW cấp ngày 13/7/2017
Nơi cư trú: Würzburger Str. 50, 01187 Dresden, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: PHAN VĂN HẢI

16. **Đỗ Kiều Thanh**, sinh ngày 06/12/1969 tại Hà Nội — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 5270 cấp ngày 12/12/1969
Hộ chiếu Đức số: CCHKTZ9Y2 cấp ngày 08/02/2018
Nơi cư trú: Gutzkowstraße 30, 01069 Dresden, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: ĐỖ KIỀU THANH

17. **Le Thi Binh,** sinh ngày 02/01/1969 tại Hà Nội — Giới tính: Nữ
Hộ chiếu Đức số: CCVY1G181 cấp ngày 29/7/2022
Nơi cư trú: Görlitzerstr.2, 02748 Bernstadt, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Lĩnh Nam, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: LÊ THỊ BÌNH

18. **Trần LeTri Khang**, sinh ngày 01/4/2004 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Thẻ Căn cước Đức số: L3HNCL74R cấp ngày 09/5/2022
Nơi cư trú: Kantstr 38, 10625 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: TRẦN LÊ TRÍ KHANG

19. **Nguyễn Văn Hoàn**, sinh ngày 13/3/1992 tại Hà Nội — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 182 cấp ngày 19/11/2008

Hộ chiếu Đức số: C86H0Z7CN cấp ngày 18/02/2020
Nơi cư trú: Ludwigstr. 93, 70197 Stuttgart, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN VĂN HOÀN

20. **Tran Cuu Hòa**, sinh ngày 11/12/1955 tại Hà Nội — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Giấy khai sinh số 463 cấp ngày 20/12/1955
Hộ chiếu Đức số: C3JWLZ3Z3 cấp ngày 14/8/2023
Nơi cư trú: Adlergestell 747, 12527 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Lấy tên gọi Việt Nam là: TRẦN CỬU HÒA

21. **Đào Le Minh**, sinh ngày 27/5/1993 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Hộ chiếu Đức số: C3FNV9F49 cấp ngày 14/12/2017
Nơi cư trú: Oberfeldstraße 94, 12683 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: ĐÀO LÊ MINH

22. **Nguyen Ha Manh**, sinh ngày 04/02/1970 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Ủy ban nhân dân phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa, Giấy khai sinh số 397 cấp ngày 30/02/1970
Hộ chiếu Đức số: CH8F0F1MK cấp ngày 17/02/2020
Nơi cư trú: Erfurter Str. 5, 99310 Arnstadt, Cộng hòa Liên bang Đức
Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh: phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa
Lấy tên gọi Việt Nam là: NGUYỄN MẠNH HÀ

23. **Chu Diêu Đuc**, sinh ngày 21/02/2002 tại Cộng hòa Liên bang Đức — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức, Giấy khai sinh số 269 cấp ngày 20/5/2009
Hộ chiếu Đức số: C3FHT16J7 cấp ngày 21/6/2023
Nơi cư trú: Prenzlauer Promenade 49, 13089 Berlin, Cộng hòa Liên bang Đức
Lấy tên gọi Việt Nam là: CHU DIỆU ĐỨC
